

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 5 - 2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Ty

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Vũ Thành Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, cư trú tại: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Cao Thanh T, cư trú tại: Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai nguyên đơn là Chị Trần Thị Th trình bày:

Chị và Anh Cao Thanh T kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 14 tháng 9 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng

cùng gia đình anh T. Quá trình chung sống của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu sự tin tưởng và quan tâm đến nhau nên thường xảy ra va chạm cãi vã, tình cảm rạn nứt. Mặc dù gia đình hai bên đã giúp đỡ hòa giải cho anh chị nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ đầu năm 2019 chị đã về sống ở nhà mẹ đẻ tại thôn K, xã Q. Vợ chồng sống ly thân, không ai còn sự quan tâm và trách nhiệm với nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị với Anh Cao Thanh T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Cao Thanh T để giải phóng hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Chị và Anh Cao Thanh T có 01 con chung là: Cao Việt T, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2009. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho Anh Cao Thanh T nuôi dưỡng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 4 năm 2019, bị đơn là Anh Cao Thanh T trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng giữa anh và Chị Trần Thị Th có nội dung như Chị Trần Thị Th đã trình bày. Trong thời gian vợ chồng sống chung đôi khi có xảy ra cãi vã, xích mích do có những bất đồng trong tính cách, quan điểm sống, vợ chồng giận dỗi nhau nên chị Th về ở nhà mẹ đẻ tại thôn Kiều Hạ 1, xã Quốc Tuấn từ đầu năm 2019. Khi chị Th bỏ về nhà mẹ, anh cũng đã nhiều lần đến tìm chị Th về vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Th không về. Nay, Chị Trần Thị Th xin ly hôn với anh, anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giúp đỡ để vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Anh và Chị Trần Thị Th có 01 con chung là Cao Việt T, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2009. Khi vợ chồng sống ly thân, con chung vẫn sống cùng anh nên anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung nếu như Tòa án giải quyết cho anh và Chị Trần Thị Th ly hôn. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Anh Cao Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Trần Thị Th. Xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn với Anh Cao Thanh T. Giao con chung Cao Việt T, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2009 cho anh T nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Nguyên đơn Chị Trần Thị Th có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn Anh Cao Thanh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Chị Trần Thị Th và bị đơn Anh Cao Thanh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định Chị Trần Thị Th và Anh Cao Thanh T kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 14 tháng 9 năm 2009. Trong quá trình chung sống của vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, tình cảm rạn nứt, vợ chồng hiện đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Anh Cao Thanh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn và mong muốn Tòa án giúp đỡ để vợ chồng đoàn tụ nhưng lại không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Tại các buổi hòa giải Anh Cao Thanh T đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc anh T không đồng ý ly hôn chỉ nhằm mục đích kéo dài, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên không có cơ sở chấp nhận. Xét thấy mâu thuẫn giữa Chị Trần Thị Th và Anh Cao Thanh T đã căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Trần Thị Th để giải phóng hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Th và Anh Cao Thanh T có 01 con chung là Cao Việt T, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2009. Chị Th và anh T đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho Anh Cao Thanh T nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy quan điểm của chị Th và anh T là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật và nguyện vọng của con chung nên chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, do các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Th và Anh Cao Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết việc chia tài sản bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238; Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự.

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho Chị Trần Thị Th được ly hôn với Anh Cao Thanh T.

2. Xử: Công nhận sự thỏa thuận của đương sự, giao con chung Cao Việt T, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2009 cho Anh Cao Thanh T nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước, chị Th đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương (Biên lai thu tiền số 0004117 ngày 12 tháng 3 năm 2019) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- THADS huyện An Dương;
- Đương sự;
- UBND xã A (nơi ĐKKH);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Tỉnh

